

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2019/DS - PT**
Ngày 29 tháng 10 năm 2019
V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng
đất*” (*tranh chấp lối đi*).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Hồ Loan
- *Các Thẩm phán:* Ông Ma Ngọc Trung
Bà Hoàng Thị Minh Khánh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lương Hữu San - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh
Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang:* Bà Ngô Thị Vỹ -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử
phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 43/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm
2019 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất (tranh chấp lối đi)*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS - ST, ngày 21 tháng 8 năm 2019
của Toà án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 47/2019/QĐ-PT, ngày
14 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Triệu Thị S (tên gọi khác Triệu Thị X), sinh năm
1968 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Ông Lý Văn N, sinh năm 1946 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lý Văn Ng, sinh năm 1990 (theo văn
bản ủy quyền ngày 30/8/2019) (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đặng Văn C, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đặng Văn G, sinh năm 1993. Được ủy
quyền theo văn bản ủy quyền ngày 01/7/2019.

3. 2. Bà Lý Thị B, sinh năm 1947 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lý Văn Ng, sinh năm 1990. Được ủy
quyền theo văn bản ủy quyền ngày 28/10/2019.

3. 3. Anh Lý Văn V, sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
3. 4. Anh Lý Văn Ng, sinh năm 1990 (có mặt).
3. 5. Anh Đặng Văn G, sinh năm 1993 (có mặt).
3. 6. Anh Đặng Văn T1, sinh năm 1991 (có mặt).
3. 7. Chị Lý Thị H, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
3. 8. Cháu Đặng Công Tr, sinh năm 2003. Người đại diện theo pháp luật: Bà Triệu Thị S (là nguyên đơn trong vụ án).
Cùng địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.
3. 9. Chị Đặng Thị Th4, sinh năm 1996 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn 8, xã VĐ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.
3. 10. UBND xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.
Địa chỉ: Thôn Th2, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Khúc Thị Thu Th1; chức vụ: Chủ tịch.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quyết T, chức vụ: Công chức
Địa chính xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang theo văn bản ủy quyền ngày 12/6/2019 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
3. 11. UBND huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.
Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ninh Th, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện Y.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thanh Th1, chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y theo văn bản ủy quyền ngày 11/10/2019 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
4. Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Văn Ng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Triệu Thị S trình bày: Năm 1988 bà kết hôn với ông Đặng Văn C và về làm dâu, sinh sống tại thôn L, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng bà cùng bố mẹ chồng (Cụ Đặng Văn S và cụ Triệu Thị Gi) đi làm nương tại khu Khe Cạn, thôn L (tại vị trí đất hiện nay đang có tranh chấp lối đi vào nương). Thời điểm đó bên cạnh có nương của ông K, bà Th3, ông T2, cụ Trương Thị Nh (Có chồng tên là B1 nên còn gọi là cụ B1), gia đình bà và những người có nương ở phía trên như nhà ông Th6, nhà bà Th5, ông T2 đều thường xuyên đi qua nương của gia đình cụ B1 để đi vào nương của nhà mình ở phía trong, nên trở thành lối mòn.

Đến năm 1998 cụ B1 và cụ Nh già yếu không ở thôn L nữa mà về thôn P ở gần cháu (do cụ B1 và cụ Nh không có con). Đất đồi nương của các cụ tại thôn L thì người dân ở thôn L sử dụng. Trong đó có nương của cụ B1 sát nương của gia đình bà, do gia đình nhà ông Lý Văn N, bà Lý Thị B sử dụng. Khi gia đình ông N sử dụng đất nương của cụ B1 thì gia đình nhà bà và một số hộ gia đình có nương ở phía trên (trên đồi cao hơn) vẫn đi qua lối đi cũ để canh tác, thu hoạch nông sản.

Sau khi bố mẹ chồng bà già yếu thì chia đất cho vợ chồng bà và vợ chồng anh trai chồng là ông T3, gia đình bà được chia thửa đất số 464, tờ bản đồ số 01 thôn L, xã P (sát với thửa đất số 489 của gia đình ông Lý Văn N), bà sử dụng trồng cây ăn quả và đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/8/2011, diện tích 13.364m², Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên bà Triệu Thị X vì có một thời gian gọi tên bà là X để tránh trùng tên với bố chồng bà là cụ Đặng Văn S. Sau khi được chia đất gia đình bà vẫn đi qua lối đi (qua nương nhà cụ B1 cũ, nay là nương nhà ông N thuộc thửa đất số 489) để vào nương nhà bà canh tác. Từ trước là lối đi bộ nhỏ, sau đó lối đi mở rộng các hộ dân dùng trâu kéo xe quệt, sau dùng xe trâu bánh lốp thu hoạch nông sản, sau này khi các gia đình trồng mía và thu hoạch thì chở bằng xe công nông đi.

Đến khoảng năm 2009, 2010 do có người khai thác quặng ở khu vực trên núi nên đã mở con đường to hơn, ủi cho đỡ dốc hơn trên cơ sở con đường cũ. Nhân dân làm nương phía trên cùng gia đình bà vẫn đi con đường đã đi từ trước để vào nương canh tác. Đường đi trong nương nhà bà, gia đình bà đã đổ đường bê tông rộng khoảng 01 m để đi lại cho thuận tiện. Đến tháng 4/2018 anh Ng (con trai ông N) đã đào hào rộng khoảng 60cm, sâu khoảng 60 cm làm ranh giới giữa đất nhà bà và nhà ông N, ngăn lối đi qua đất nhà ông N vào nương của gia đình bà. Gia đình bà đã lấp đất, đá xuống vị trí đường đi bị đào để đi lại thì anh Ng lại làm hàng rào bằng tre để không cho gia đình bà đi qua. Vì vậy bà khởi kiện yêu cầu gia đình nhà ông N để lại lối đi đáp ứng yêu cầu đi lại cho gia đình bà vào thửa đất để canh tác, khai thác hiệu quả, hiện tại trên đất gia đình bà trồng hơn 300 cây Na, 100 cây Bưởi và hoa màu trên đất nhưng không có lối vào để chăm sóc thu hoạch. Theo kết quả xem xét, thẩm định của Tòa án thì lối đi đang có tranh chấp nối với đường đi chung của nhiều hộ khác có chiều dài là 20m, chiều rộng lối đi là 03 m. Trên diện tích đất tranh chấp có 03 cây Bưởi và Sắn do anh Lý Văn V (con trai ông N) trồng nhưng là trồng sau khi anh Ng chặn lối đi. Bà đề nghị ông N phải cho bà lối đi có kích thước như thẩm định. Bà sẽ trả giá trị đất cho ông N, bà B như đã định giá, bà nhận chịu toàn bộ chi phí thẩm định và định giá.

Bị đơn ông Lý Văn N trình bày: Gia đình ông có đất rừng sản xuất tại khu Khe Cạn (Gốc Sầu) thuộc thôn L, xã P. Nguồn gốc đất một phần do bố mẹ ông khai phá từ lâu để lại, một phần do ông bà mua lại của cụ B1, cụ Trương Thị Nh từ trước năm 1990. Vợ chồng ông đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/8/2011, thửa đất số 489 tờ bản đồ số 01, diện tích 6.934m² đất rừng sản xuất. Nay vợ chồng ông đã cao tuổi nên để cho các con sử dụng (Anh V trồng keo, lát, xoan phía dưới; còn phía trên là để cho anh Ng nhưng anh Ng chưa trồng cây gì). Gia đình bà S sử dụng thửa đất ở phía trong, liền kề với nương của gia đình ông. Trước năm 2009 gia đình nhà bà S có một lối đi khác đi lên nương nhà bà. Lối đi này là đi qua suối (đi qua suối thì không có cầu, đến nay cũng không có cầu, Đường này hiện nay rất ít người đi vì đã có đường mới). Từ năm 2009 thì bà S đi cùng với một số hộ như nhà ông K, ông Th6, bà Th3 góp tiền ủi đường to, rộng hơn để nối với đường do nhiều hộ dân góp tiền mở ở phía chân núi (Đường mới này để nối ra đường khu dân cư), trước khi ủi lối đi chỉ là lối mòn. Gia đình ông nhất trí cho các hộ dân này mở đường to trên cơ sở đường mòn cũ. Nhà bà S đi theo đường này rồi tự đi một lối đi qua

nương nhà ông rẽ sang nương nhà bà S. Gia đình ông vẫn cho bà S đi nhờ qua đất nhà ông (thửa đất số 489, tờ bản đồ số 01) nhiều năm. Cách đây khoảng 1, 2 năm bà S xúc phạm nghiêm trọng đến gia đình ông nên ông không đồng ý cho bà S đi qua, trước kia nếu bà S biết đến xin lỗi thì ông cho đi. Nhưng khi Tòa án, cán bộ xã, thôn cùng bà S đến nhà ông làm việc, bà S không tỏ ra thành thật xin lỗi. Nên đến nay bà S có xin lỗi thì ông cũng không cho bà S đi qua.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đặng Văn C (do anh Đặng Văn G đại diện), anh Đặng Văn G, anh Đặng Văn T1, chị Lý Thị H1, cháu Đặng Công Tr (do bà Triệu Thị S đại diện) và chị Đặng Thị Th4 cùng trình bày: Các anh chị là con của bà Triệu Thị S, ông Đặng Văn C. Thửa đất của gia đình đang bị chặn lối đi là thửa đất do ông bà nội các anh chị để lại cho bố mẹ. Từ trước tới nay gia đình các anh, chị vẫn đi lối đi đang có tranh chấp để đến nương gia đình canh tác. Qua hòa giải nhiều lần ở thôn, xã nhưng gia đình ông N không để lối đi cho bố mẹ đi vào nương của gia đình. Các anh chị yêu cầu gia đình ông N để lối đi theo quy định tại Điều 254 của Bộ luật Dân sự.

- Bà Lý Thị B trình bày: Bà nhất trí như ý kiến của chồng bà là ông Lý Văn N.

- Anh Lý Văn Ng trình bày: Anh nhất trí như ý kiến của bố anh là ông Lý Văn N. Năm 2018 gia đình anh muốn chuyển đổi và quy hoạch trồng cây ăn quả nên anh đã cho máy đào rãnh phân định ranh giới giữa đất nhà anh và đất nhà bà S, bao gồm cả đoạn bà S tự ý mở lối đi qua đất nhà anh. Do bà S xúc phạm gia đình anh và do anh có nhu cầu chuyển đổi cây trồng để chăm sóc thuận tiện, anh không đồng ý cho bà S đi qua đất, bà S khởi kiện gia đình anh trả lại lối đi là không có căn cứ. Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ gia đình ông N gồm ông N, bà B và anh còn các anh chị em khác đã xây dựng gia đình và tách hộ, quyền sử dụng diện tích đất lối đi đang có tranh chấp là của bố mẹ anh và anh. Về đường đi to nhất thể hiện trên bản vẽ thẩm định (có mũi tên chỉ đi ra xóm L và mũi tên chỉ đi vào đồi) là đường do nhân dân có đất sản xuất ở trong khu Khe Cạn cùng góp tiền làm đường từ năm 2006. Đường đi được thể hiện bằng nét đứt từ góc nương nhà anh S1 đi thẳng lên nương nhà anh Lý Đức M cũng được các hộ dân có đất phía trên mở to lên từ năm 2006, trên cơ sở mở to đường mòn cũ.

- Anh Lý Văn V trình bày: Khi thẩm định trên diện tích lối đi đang tranh chấp có 03 cây Bưởi của anh trồng nay anh đã chuyển cây Bưởi đi vị trí khác.

- UBND xã P, huyện Y do người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Quyết T trình bày: Về quá trình lập hồ sơ kê khai đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất lâm nghiệp của 02 hộ gia đình ông Lý Văn N bà Lý Thị B và ông Đặng Văn C, bà Triệu Thị S như sau:

Ngày 11/5/2009 UBND xã P đã hướng dẫn và tiếp nhận 796 hồ sơ kê khai đăng ký đất rừng của 796 hộ dân, sau khi xem xét có 770/796 hồ sơ đủ điều kiện cấp Giấy, trong đó có hồ sơ của gia đình ông Lý Văn N và gia đình ông Đặng Văn C, sau khi B2 chỉ đạo của xã họp xét hồ sơ của 02 gia đình đã đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND xã đã tiến hành niêm yết công khai danh sách các thửa đất đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất của các hộ gia đình tại trụ sở UBND xã và nhà văn hóa các thôn, hết thời gian công khai UBND xã không nhận được đơn thư khiếu nại về danh sách đã công khai, ngày 29/5/2009 UBND xã đã lập biên bản kết thúc việc công khai và tiến hành lập tờ trình trình UBND huyện xem xét cấp Giấy chứng nhận cho các hộ gia đình theo quy định. Ngày 30/5/2007 UBND xã đã tiến hành lập biên bản kết thúc công tác giao đất lâm nghiệp tại xã. Quá trình lập sơ đồ thửa đất để làm căn cứ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do người sử dụng đất chỉ dẫn, công nhận ranh giới và có ký giáp ranh.

Việc tranh chấp lối đi giữa nhà bà S và nhà ông N đã được thôn và xã hòa giải nhưng không thành. Theo kết quả đo vẽ thẩm định, theo thông tin thu thập ý kiến nhân dân ở thôn thì con đường đi từ dưới chân đồi đi lên nương của những người có nương ở phía trên đã có từ trước khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N. Như vậy về quy trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N là đúng, tuy nhiên khi tiến hành khoanh vẽ sơ đồ thửa đất để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhà ông N do dự án khoanh vẽ thửa đất với tỉ lệ 1/10.000 (01 mét ngoài thực địa bằng 0,1mm trên bản đồ) nên các con đường ngoài thực địa có chiều rộng từ 03m trở xuống không thể hiện được trên bản đồ. Do đó trong bản vẽ thửa đất trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N không thể hiện con đường.

Về lối đi đang có tranh chấp (có độ dài 20m) thì không rõ nhà bà S đi từ bao giờ. Theo quy định của Bộ luật Dân sự thì người có đất ở phía ngoài phải tạo lối đi cho người ở phía trong. Tuy nhiên lối đi đó phải thuận tiện cho người ở phía trong, nhưng phải không làm ảnh hưởng đến đất của người ở phía ngoài nhất và người ở phía trong phải trả một khoản tiền hoặc giá trị vật chất khác cho người có đất cho mở lối đi. Khi hòa giải ở xã, đoàn công tác của UBND xã đã đi đến thực địa, xem xét lối đi trước khi bị chặn để hòa giải. Xác định vị trí lối đi đúng vị trí như khi Tòa án thẩm định. Tuy nhiên gia đình ông N vẫn không đồng ý cho gia đình bà S đi vì nguyên nhân bà S xúc phạm ông N, bà B. Đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của Bộ luật Dân sự.

- Ủy ban nhân dân huyện Y do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Căn cứ Luật đất đai năm 2003, Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 20/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 84/NĐ-CP ngày 25/5/2007 về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

Ủy B2 nhân dân xã P, đơn vị tư vấn (*Công ty đo đạc ảnh địa hình*) và nhân dân thôn L đã tiến hành họp triển khai, thống nhất việc giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn; Ngày 06/4/2009 ông Lý Văn N đã làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 04 thửa gồm thửa số 489, 381, 118, 268, tờ bản đồ số 01 tại thôn L, xã P, về nguồn gốc đất do gia đình ông N khai phá và sử dụng từ năm 1992; Ngày 11/5/2009 B2 chỉ đạo giao đất và cấp GCN xã P đã tiến hành họp phân loại, thẩm tra, xác minh đơn của từng chủ sử dụng đất trong đó có hộ ông Lý Văn N, đồng thời UBND xã đã tiến hành công khai trong thời gian 15 ngày, trong 15 ngày công khai không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì về danh sách đã công khai, UBND xã đã trình UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ

gia đình, cá nhân tại xã P trong đó có hộ ông Lý Văn N. Sau khi xem xét hồ sơ và các giấy tờ có liên quan, ngày 23/8/2011 UBND huyện đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã P trong đó có hộ ông Lý Văn N đảm bảo đúng trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để xét xử đảm bảo công bằng đúng quy định của pháp luật.

Vụ kiện trên đã được Toà án nhân dân huyện Y thụ lý, hoà giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS – ST, ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai; Điều 254, 357, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy B2 Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị S về việc yêu C ông Lý Văn N, bà Lý Thị B và anh Lý Văn Ng tạo cho lối đi qua thửa đất số 489, tờ bản đồ số 01, thôn L, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Lý Văn N, bà Lý Thị B, anh Lý Văn Ng phải để cho bà Triệu Thị S, ông Đặng Văn C, anh Đặng Văn T1, anh Đặng Văn G, chị Đặng Thị Th4, chị Lý Thị H1 và cháu Đặng Văn Tr (do bà Triệu Thị S làm đại diện) diện tích đất 61,20 m² làm lối đi. Lối đi có chiều rộng 03 m, chiều dài một cạnh là 20m, một cạnh là 20,80m. Lối đi trên thửa đất số 489, tờ bản đồ số 01, thôn L, xã P, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Đất lối đi được giới hạn bởi các điểm A, B, C, D và A trên sơ đồ (Có Sơ đồ kèm theo bản án).

2. Buộc bà Triệu Thị S phải trả cho ông Lý Văn N 428.400đ (Bốn trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm đồng) tiền giá trị đất lối đi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi xuất chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Y có Quyết định số 04/2019/QĐ - SCBSTA, sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm với nội dung: Bà Triệu Thị S, ông Đặng Văn C có trách nhiệm trả cho ông Lý Văn N, bà Lý Thị B trị giá quyền sử dụng đất diện tích lối đi theo định giá là 428.400đ”.

Buộc bà Triệu Thị S, ông Đặng Văn C phải trả cho ông Lý Văn N, bà Lý Thị B 428.400đ tiền giá trị đất lối đi. Chia theo phần bà S phải trả 214.200đ (Hai trăm mười bốn nghìn hai trăm đồng), ông C phải trả 214.200đ (Hai trăm mười bốn nghìn hai trăm đồng); trong đó trả cho ông N 214.200đ (Hai trăm mười bốn nghìn hai trăm đồng), trả cho bà B 214.200đ”.

Ngày 05/9/2019 Tòa án nhận đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Văn Ng, Đơn đề ngày 29/8/2019, đơn kháng cáo có nội dung: Không nhất trí với bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS – ST, ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y về việc Bản án sơ thẩm buộc gia đình ông Lý Văn N và anh phải để lối đi có chiều rộng 03m, chiều dài 20,8m cho hộ bà Triệu Thị S là vô lý và không có cơ sở vì toàn bộ thửa đất số 489, tờ bản đồ số 01 của gia đình ông Lý Văn N đã

được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 23/8/2011 không thể hiện có lối đi sang nương canh tác nhà bà Triệu Thị S.

Từ năm 2009 - 2010 gia đình anh đã tạo điều kiện cho gia đình bà S C đi nhờ qua đất suốt từ thời gian đó, đến năm 2018 anh có kế hoạch trồng vườn cây ăn quả nên đã dùng máy cuốc rãnh tạo bờ cõi nương với các hộ lân cận để thuận lợi cho việc chăm sóc cây trồng, đào vào lối đi gia đình bà S C mở đi nhờ qua nương nhà anh. Khi cuốc rãnh xong bà S C nhiều lần chửi rửa bố mẹ anh và vợ chồng anh, không sang xin lỗi bố mẹ anh, không xin gia đình anh tạo điều kiện cho gia đình bà S có lối đi mà khởi kiện gia đình anh. Đề nghị Tòa án xem xét trả lại sự công bằng cho gia đình anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Lý Văn Ng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người kháng cáo) đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lý Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị B trình bày: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Lý Văn N và bà Lý Thị B nhưng ghi nhầm tên mẹ anh là B2, gia đình anh đã phát hiện có sự sai sót tên mẹ anh trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa làm thủ tục để chỉnh lý lại tên cho đúng tại cấp có thẩm quyền. Gia đình anh nhất trí thỏa thuận dành cho gia đình bà Triệu Thị S, ông Đặng Văn C lối đi qua thửa đất số 489 thuộc quyền quản lý, sử dụng của bố mẹ anh là ông Lý Văn Năm, bà Lý Thị B. Lối đi có diện tích 61,2m², chiều rộng 3m, chiều dài một cạnh 20m, một cạnh 20,8m theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ tại Tòa án cấp sơ thẩm. Gia đình bà S, ông C có nghĩa vụ trả tiền trị giá đất lối đi cho ông N, bà B theo giá trị đất đã được định giá.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Triệu Thị S, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của cháu Đặng Công Tr trình bày: Bà có lời xin lỗi gia đình ông Năm, bà B và đề nghị gia đình ông N, bà B, anh Ng dành cho gia đình bà một lối đi có chiều rộng 3m, một cạnh dài 20m, một cạnh dài 20,8m, diện tích là 61,2m² như kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Y. Lối đi này thuộc một phần thửa đất số 489, tờ bản đồ số 01 đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông N, bà B, để gia đình bà có lối đi vào thửa đất số 464 ở phía trong. Gia đình bà sẽ trả cho ông N, bà B tiền trị giá đất lối đi theo giá trị đất đã được định giá.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn G (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn C) và anh Đặng Văn T1 nhất trí như thỏa thuận giữa anh Lý Văn Ng và bà Triệu Thị S.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72, Điều 73, Điều 86 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của anh Lý Văn Ng là hợp lệ trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận phía bị đơn nhất trí dành cho nguyên đơn lối đi có diện tích 61,2m², chiều rộng 3m, chiều dài một

cạnh 20m, chiều dài một cạnh 20,8m và phía nguyên đơn có nghĩa vụ trả cho bị đơn số tiền trị giá đất 428.400đ (bốn trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm đồng). Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS - ST, ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, công nhận của các đương sự. Anh Lý Văn Ng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Văn Ng: Không nhất trí Bản án sơ thẩm buộc ông Lý Văn N, bà Lý Thị B và anh phải để lối đi có chiều rộng 03m, chiều dài 20,8m cho hộ bà Triệu Thị S vì toàn bộ thửa đất số 489, tờ bản đồ số 01 của gia đình ông Lý Văn N đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 23/8/2011 không thể hiện có lối đi sang nương canh tác nhà bà Triệu Thị S.

Xét thấy: Lối đi đang có tranh chấp (chiều rộng 03m, chiều dài một cạnh 20,8m, một cạnh 20m) thuộc một phần thửa đất số 489, tờ bản đồ số 01 đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/8/2011, tên người sử dụng đất hộ ông Lý Văn N và bà Lý Thị B2, diện tích đất thửa số 489 được cấp 6.934m², mục đích sử dụng đất rừng sản xuất. Gia đình bà Triệu Thị Si (Triệu Thị X) ông Đặng Văn C sử dụng thửa đất rừng sản xuất số 464, tờ bản đồ số 01, diện tích 13.364m², đã được UBND huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/8/2011, tên người sử dụng đất hộ ông Đặng Văn C và bà Triệu Thị X (S). Thửa đất số 464 của gia đình bà S sử dụng liền kề với thửa đất số 489 của gia đình ông N, đất của gia đình ông N phía bên ngoài, đất của gia đình bà S ở phía bên trong. Quá trình sử dụng gia đình bà S đã mở lối đi qua thửa đất số 489 của gia đình ông N và gia đình bà đã sử dụng các phương tiện xe máy, xe quệt, xe trâu bánh lốp, xe công nông, đi lối đi này khi canh tác, thu hoạch, vận chuyển cây mía và các cây nông sản khác. Theo bà S gia đình bà đã đi lối đi đang có tranh chấp từ mấy chục năm trước, theo gia đình ông N từ năm 2009 gia đình bà S tự mở lối đi qua thửa đất số 489 của gia đình ông, gia đình ông cho bà S đi nhờ, đầu năm 2018 anh Ng (con trai ông N) thuê máy đào hào dọc ranh giới đất tiếp giáp đất nhà bà S và rào lối đi không cho gia đình bà S đi qua đất của gia đình ông N. Hai bên tranh chấp trong khi chờ cấp có thẩm quyền giải quyết, gia đình bà S đi nhờ tạm qua phần đất của gia đình ông Đặng Văn T3, nhưng người đi chỉ có thể đi bộ không sử dụng được phương tiện vì chủ sử dụng đất đã trồng cây với mật độ dày không thể tạo lối đi.

Tại biên bản làm việc ngày 24/5/2018 của UBND xã P về việc kiểm tra các tuyến đường vào khu sản xuất trong Khe Cạn (trong đó có khu vực lối đi tranh chấp). Đã xác định diện tích đất lối đi tranh chấp thuộc diện tích đất nương rẫy của gia đình anh Ng, kiểm tra xung quanh hiện trạng thửa đất của gia đình bà

Triệu Thị S không có lối đi nào khác, việc mở đường mới vào khu vực nương của gia đình bà S rất khó khăn.

Ông Trần Văn T4 phó thôn L xác nhận: Bà S sử dụng lối đi qua đất nhà ông N từ hơn 10 năm trước, sau khi anh Ng cuốc rãnh đào đường thì bà S đi tạm nhờ qua đất của nhà ông Đặng Văn T3, lối đi này chỉ đi bộ, các phương tiện giao thông khác không đi qua được. Lối đi thuận tiện nhất, gần nhất vào nương nhà bà Sinh là đi qua đất nhà ông N (lối đi hiện đã bị anh Ng đào rãnh). Lối đi đang tranh chấp là lối đi duy nhất vào nương nhà bà S.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Mảnh trích đo hiện trạng sử dụng đất thể hiện có một lối đi từ lối đi chung vào đất của gia đình bà Sinh chiều dài là 12m, nhưng lối đi này có 1 khe sâu, người đi bộ có thể đi qua được nhưng các phương tiện khác thì không thể đi qua được.

Như vậy, lối đi đang tranh chấp thuộc một phần thửa đất 489, tờ bản đồ số 01, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 23/8/2011 cho chủ sử dụng đất hộ gia đình ông Lý Văn N và bà Lý Thị B2 là lối đi duy nhất, thuận tiện nhất vào thửa đất số 464, tờ bản đồ số 01 của gia đình bà S, ông C. Tại thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, thẩm định tại chỗ trên diện tích lối đi có 03 cây Bưởi và Sắn do anh Lý Văn V (con trai ông N, bà B) trồng. Anh V xác định sau khi Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, anh đã chuyển 03 cây Bưởi sang vị trí khác và đã thu hoạch Sắn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận: Ông Lý Văn N, bà Lý Thị B và anh Lý Văn Ng nhất trí dành cho bà Triệu Thị S, ông Đặng Văn C một lối đi có diện tích $61,2m^2$, chiều rộng 03m, một cạnh 20,8m, một cạnh 20m thuộc một phần thửa đất số 489, tờ bản đồ số 01, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 23/8/2011 tên chủ sử dụng đất hộ gia đình ông Lý Văn N và bà Lý Thị B2 để đi vào thửa đất số 464, tờ bản đồ số 01 cấp cho hộ ông Đặng Văn C, bà Triệu Thị S. Bà Triệu Thị S, ông Đặng Văn C có nghĩa vụ trả cho ông N, bà B số tiền 428.400đ (bà Sinh có nghĩa vụ trả số tiền 214.200đ, ông C có nghĩa vụ trả số tiền 214.200đ); trong đó ông Lý Văn N được trả số tiền 214.200đ, bà Lý Thị B được trả số tiền 214.200đ.

Xét thấy sự thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Do đó cần sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Bà S, ông C có nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng $61,2m^2$ đất lối đi được giao tại cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai. Ông N, bà B có nghĩa vụ kê khai chỉnh lý biến động (giảm $61,2m^2$ đất rừng sản xuất) tại thửa đất số 489, tờ bản đồ số 01, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 23/8/2011, tên chủ sử dụng đất hộ ông Lý Văn N và bà Lý Thị B2.

[2]. Về án phí phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên anh Lý Văn Ng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 254, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/NQ – QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy B2 Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS – ST, ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Y, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về nghĩa vụ dành lối đi như sau: Ông Lý Văn N, bà Lý Thị B, anh Lý Văn Ng có nghĩa vụ dành cho bà Triệu Thị S và ông Đặng Văn C lối đi có diện tích 61,2m² đất rừng sản xuất. Lối đi có chiều rộng 03m, chiều dài một cạnh 20,8m, một cạnh 20m thuộc một phần thửa đất số 489, tờ bản đồ số 01, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 23/8/2011 mang tên chủ sử dụng đất hộ gia đình ông Lý Văn N, bà Lý Thị B2 để đi vào thửa đất số 464, tờ bản đồ số 01 cấp cho hộ ông Đặng Văn C, bà Triệu Thị S. Đất lối đi được giới hạn bởi các điểm A, B, C, D, A (kèm theo *Mảnh trích đo hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông Lý Văn N, thôn L, ngày 02/5/2019*).

Bà Triệu Thị S, ông Đặng Văn C có nghĩa vụ trả cho ông Lý Văn N và bà Lý Thị B số tiền trị giá 61,2m² đất lối đi là 428.400đ (*Bốn trăm hai mươi tám nghìn bốn trăm đồng*). Chia ra bà S có nghĩa vụ trả 214.200đ (*Hai trăm mười bốn nghìn hai trăm đồng*), ông C có nghĩa vụ trả 214.200đ (*Hai trăm mười bốn nghìn hai trăm đồng*). Trong đó ông Lý Văn N được trả số tiền 214.200đ (*Hai trăm mười bốn nghìn hai trăm đồng*), bà Lý Thị B được trả số tiền 214.200đ (*Hai trăm mười bốn nghìn hai trăm đồng*).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án ông Lý Văn N, bà Lý Thị B cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, nếu người phải thi hành án bà Triệu Thị S và ông Đặng Văn C chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Bà Triệu Thị S, ông Đặng Văn C có nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng 61,2m² đất lối đi được giao tại cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai.

Ông Lý Văn N, bà Lý Thị B2 có nghĩa vụ kê khai chỉnh lý biến động (giảm 61,2m² đất rừng sản xuất) tại thửa đất số 489, tờ bản đồ số 01, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 23/8/2011, tên chủ sử dụng đất hộ ông Lý Văn N và bà Lý Thị B2 tại cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lý Văn Ng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001721, ngày 13/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 29/10/2019).

Trường hợp bản án Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Hồ Loan